

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM KỸ THUẬT TP. HCM
KHOA ĐÀO TẠO CHẤT LƯỢNG CAO



MÔN HỌC: ĐỒ ÁN CÔNG NGHỆ THÔNG TIN

BÁO CÁO ĐỀ TÀI
XÂY DỰNG HỆ THỐNG WEBSITE BÁN HÀNG NỘI THẤT

GVHD: TS. Trần Nhật Quang

SVTH

MSSV

Thái Hoàng Phúc

20110543

Phạm Nguyễn Phú Quý

20110079

Tp. Hồ Chí Minh, tháng 12 năm 2022

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM KỸ THUẬT TP. HCM
KHOA ĐÀO TẠO CHẤT LƯỢNG CAO



MÔN HỌC: ĐỒ ÁN CÔNG NGHỆ THÔNG TIN

BÁO CÁO ĐỀ TÀI
XÂY DỰNG HỆ THỐNG WEBSITE BÁN HÀNG NỘI THẤT

GVHD: TS. Trần Nhật Quang

SVTH

MSSV

Thái Hoàng Phúc

20110543

Phạm Nguyễn Phú Quý

20110079

Tp. Hồ Chí Minh, tháng 12 năm 2022

MỤC LỤC

Danh mục hình ảnh	4
Danh mục các bảng	5
NỘI DUNG.....	7
I. Đặc tả	7
II. Phân công công việc.....	7
III. Thiết kế	7
1. Thuật toán	7
2. Thiết kế lớp.....	9
3. Thiết kế cơ sở dữ liệu	20
4. Thiết kế giao diện.....	30
IV. Cài đặt và kiểm thử	35
V. Kết luận.....	36

Danh mục hình ảnh

Hình 1. Mô tả cấu trúc MVC	8
Hình 2. Diagram mô tả quan hệ giữa các bảng.....	20

Danh mục các bảng

Bảng 1. Bảng phân công công việc.....	7
Bảng 2. Bảng mô tả các lớp A	9
Bảng 3. Bảng mô tả các lớp B	10
Bảng 4. Bảng mô tả các phương thức của lớp AccountController.cs.....	11
Bảng 5. Bảng mô tả các phương thức của lớp HomeController.cs	12
Bảng 6. Bảng mô tả các phương thức của lớp MenuController.cs.....	12
Bảng 7. Bảng mô tả các phương thức của lớp ProductsController.cs	13
Bảng 8. Bảng mô tả các phương thức của lớp ShoppingCartController.cs.....	13
Bảng 9. Bảng mô tả các phương thức của lớp AccountController.cs.....	14
Bảng 10. Bảng mô tả các phương thức của lớp AdvController.cs	15
Bảng 11. Bảng mô tả các phương thức của lớp CategoryController.cs	15
Bảng 12. Bảng mô tả các phương thức của lớp NewsController.cs	16
Bảng 13. Bảng mô tả các phương thức của lớp OrderController.cs.....	16
Bảng 14. Bảng mô tả các phương thức của lớp PostsController.cs.....	17
Bảng 15. Bảng mô tả các phương thức của lớp ProductCategoryController.cs...	18
Bảng 16. Bảng mô tả các phương thức của lớp ProductImageController.cs.....	18
Bảng 17. Bảng mô tả các phương thức của lớp ProductsController.cs	18
Bảng 18. Bảng mô tả các phương thức của lớp RoleController.cs.....	19
Bảng 19. Bảng mô tả các Table trong cơ sở dữ liệu.....	20
Bảng 20. Bảng mô tả các các Fields trong AspNetRoles.	21
Bảng 21. Bảng mô tả các các Fields trong AspNetUserRoles.....	21
Bảng 22. Bảng mô tả các các Fields trong AspNetUsers.	21
Bảng 23. Bảng mô tả các các Fields trong tb_Adv.....	22
Bảng 24. Bảng mô tả các các Fields trong tb_Category.....	22
Bảng 25. Bảng mô tả các các Fields trong tb_Contact.	23
Bảng 26. Bảng mô tả các các Fields trong tb_News.	24
Bảng 27. Bảng mô tả các các Fields trong tb_Order.	25

Bảng 28. Bảng mô tả các các Fields trong tb_OrderDetail.	25
Bảng 29. Bảng mô tả các các Fields trong tb_Posts.	26
Bảng 30. Bảng mô tả các các Fields trong tb_Product.	27
Bảng 31. Bảng mô tả các các Fields trong tb_ProductCategory.	28
Bảng 32. Bảng mô tả các các Fields trong tb_ProductImage.	29
Bảng 33. Bảng mô tả các các Fields trong ThongKes.	29
Bảng 34. Bảng mô tả các các Fields trong tb_Subscribe.	29
Bảng 35. Thiết kế giao diện	30
Bảng 36. Cài đặt kiểm thử	35

NỘI DUNG

I. Đặc tả

Sản phẩm của đề án là hệ thống website bán hàng nội thất. Website được sử dụng để trưng bày sản phẩm và giao dịch sản phẩm với khách hàng cùng với đó có thể quản lý thông tin sản phẩm, thông tin đơn hàng và các quảng cáo, tin tức.

Dữ liệu, thông tin đầu vào là các yêu cầu, thao tác của người dùng hệ thống website.

Hệ thống website được chia thành hai giao diện chính. Một giao diện để tương tác với người dùng bao gồm việc tạo tài khoản, xem sản phẩm, tin tức và đặt hàng. Một giao diện để người quản lý cập nhật thông tin sản phẩm, tin tức, đơn hàng, danh mục.

Dự kiến xây dựng hai giao diện chính: giao diện chính và giao diện Admin.

II. Phân công công việc

Bảng 1. Bảng phân công công việc

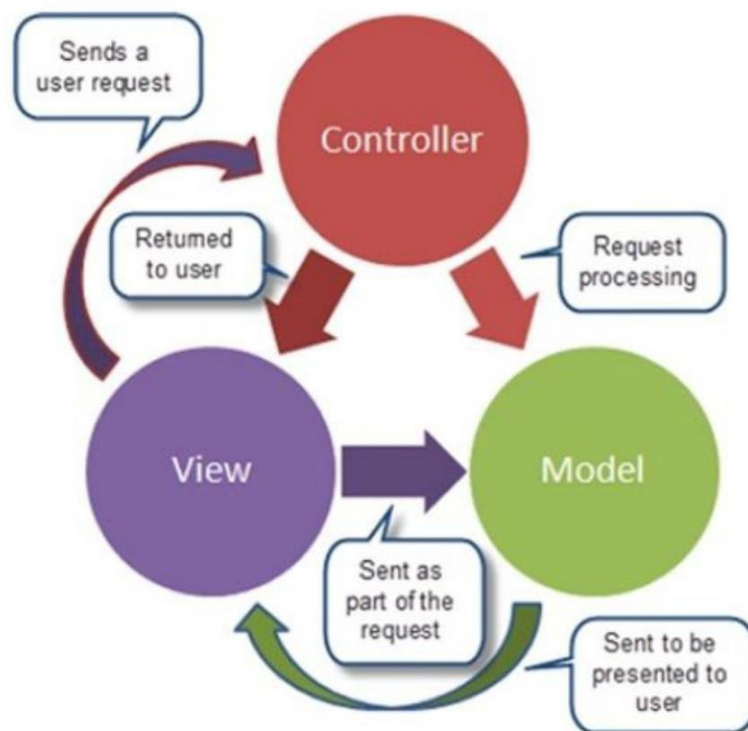
TT	Tên sinh viên	Mô tả công việc	Đóng góp
1	Thái Hoàng Phúc	Xây dựng cơ sở dữ liệu và giao diện người dùng	50%
2	Phạm Nguyễn Phú Quý	Xây dựng giao diện Admin và làm báo cáo	50%

III. Thiết kế

1. Thuật toán

Nhóm sử dụng mô hình MVC. MVC là từ viết tắt bởi 3 từ Model – View – Controller. Đây là mô hình thiết kế sử dụng trong kỹ thuật phần mềm. Mô hình source code thành 3 phần, tương ứng mỗi từ. Mỗi từ tương ứng với một hoạt động tách biệt trong một mô hình.

- View sẽ hiển thị ra phần nhập form tiêu đề và nội dung.
- Controller lấy dữ liệu từ 2 trường và gửi tới Model.
- Model lúc này sẽ nhận dữ liệu từ Controller để lưu trữ trong cơ sở dữ liệu.



Hình 1. Mô tả cấu trúc MVC

Model (M):

Là bộ phận có chức năng lưu trữ toàn bộ dữ liệu của ứng dụng. Bộ phận này là một cầu nối giữa 2 thành phần bên dưới là View và Controller. Model thể hiện dưới hình thức là một cơ sở dữ liệu hoặc có khi chỉ đơn giản là một file XML bình thường. Model thể hiện rõ các thao tác với cơ sở dữ liệu như cho phép xem, truy xuất, xử lý dữ liệu,...

View (V):

Đây là phần giao diện (theme) dành cho người sử dụng. Nơi mà người dùng có thể lấy được thông tin dữ liệu của MVC thông qua các thao tác truy vấn như tìm kiếm hoặc sử dụng thông qua các website.

Thông thường, các ứng dụng web sử dụng MVC View như một phần của hệ thống, nơi các thành phần HTML được tạo ra. Bên cạnh đó, View cũng có chức năng ghi nhận hoạt động của người dùng để tương tác với Controller. Tuy nhiên, View không có mối quan hệ trực tiếp với Controller, cũng không được lấy dữ liệu từ Controller mà chỉ hiển thị yêu cầu chuyển cho Controller mà thôi.

Controller (C):

Bộ phận có nhiệm vụ xử lý các yêu cầu người dùng đưa đến thông qua view. Từ đó, C đưa ra dữ liệu phù hợp với người dùng. Bên cạnh đó, Controller còn có chức năng kết nối với model.

2. Thiết kế lớp

Sinh viên phụ trách: Thái Hoàng Phúc

Bảng 2. Bảng mô tả các lớp A

TT	Tên lớp	Mục đích
1	Adv.sc	Quản lý dữ liệu quảng cáo
2	Category.cs	Quản lý dữ liệu danh mục
3	Contact.cs	Quản lý dữ liệu liên hệ
4	News.cs	Quản lý dữ liệu tin tức
5	Order.cs	Quản lý dữ liệu đơn hàng
6	OrderDetail.cs	Quản lý dữ liệu chi tiết đơn hàng
7	Post.cs	Quản lý dữ liệu bài viết
8	Product.cs	Quản lý dữ liệu sản phẩm
9	ProductCategory.cs	Quản lý dữ liệu loại sản phẩm
10	ProductImage.cs	Quản lý dữ liệu hình ảnh sản phẩm
11	Subscribe.cs	Quản lý thông tin đăng ký tài khoản
12	Thongke.cs	Quản lý lượt truy cập
13	ThongKeTruyCap.cs	Thống kê lượt truy cập
14	AccountController.cs	Xử lý các yêu cầu của người dùng về tài khoản ở giao diện chính
15	ContactController.cs	Xử lý các yêu cầu của người dùng về liên hệ ở giao diện chính
16	HomeController.cs	Xử lý các yêu cầu của người dùng về trang chủ ở giao diện chính
17	MenuController.cs	Quản lý hiển thị danh mục trên trang chính

18	NewsController.cs	Xử lý các yêu cầu của người dùng về tin tức ở giao diện chính
19	ProductsController.cs	Xử lý các yêu cầu của người dùng về sản phẩm ở giao diện chính
20	ShoppingCartController.cs	Xử lý các yêu cầu của người dùng về giỏ hàng ở giao diện chính
21	Common.cs	Gửi mail khi đặt hàng thành công

Sinh viên phụ trách: Phạm Nguyễn Phú Quý

Bảng 3. Bảng mô tả các lớp B

TT	Tên lớp	Mục đích
1	AccountController.cs	Xử lý các yêu cầu của người quản lý về tài khoản ở giao diện Admin
2	AdvController.cs	Xử lý các yêu cầu của người quản lý về liên hệ ở giao diện Admin
3	CategoryController.cs	Xử lý các yêu cầu của người quản lý về danh mục ở giao diện Admin
4	NewsController.cs	Xử lý các yêu cầu của người quản lý về tin tức ở giao diện Admin
5	ProductsController.cs	Xử lý các yêu cầu của người quản lý về sản phẩm ở giao diện Admin
6	OrderController.cs	Xử lý các yêu cầu của người quản lý về giỏ hàng ở giao diện Admin
7	PostsController.cs	Xử lý các yêu cầu của người quản lý về bài viết ở giao diện Admin

8	ProductCategoryController.cs	Xử lý các yêu cầu của người quản lý về loại sản phẩm ở giao diện Admin
9	ProductImageController.cs	Xử lý các yêu cầu của người quản lý về hình ảnh sản phẩm
10	RoleController.cs	Xử lý các yêu cầu của người quản lý về phân quyền truy cập ở giao diện Admin

Các lớp dùng cho giao diện chính.

Sinh viên phụ trách: Thái Hoàng Phúc

Bảng 4. Bảng mô tả các phương thức của lớp AccountController.cs

TT	Phương thức	Mục đích	Tên file, số thứ tự dòng chứa khai báo
	Login(LoginViewModel model, string returnUrl) Input: UserName, Password Output: Đăng nhập hoặc thông báo khi tài khoản bị khóa Pseudo code: Nếu đăng nhập thành công thì trở về trang chủ. Nếu tài khoản khóa thì chuyển sang Lockout View. Nếu đăng nhập lỗi hiện thông báo.	Kiểm soát đăng nhập	AccountController.cs (69)
	Register(RegisterViewModel model) Input: Email, Password Output: Tạo tài khoản	Tạo tài khoản	AccountController.cs (150)
	ForgotPassword(ForgotPasswordViewModel model) Input: Email Output: Kết quả kiểm tra email Pseudo code: Nếu email đúng tạo lại mật khẩu. Nếu sai báo lỗi.	Quên mật khẩu	AccountController.cs (201)
	ResetPassword(ResetPasswordViewModel model) Input: Email Output: Xác nhận kết quả tạo mới mật khẩu	Tạo mới mật khẩu	AccountController.cs (245)

	Pseudo code: Nếu xác nhận đúng thông tin thì tạo mới mật khẩu và tiến hành đăng nhập.		
	ConfirmEmail(string userId, string code) Input: user ID, code Output: Kết quả xác nhận email Pseudo code: Nếu sai báo lỗi. Nếu xác nhận đúng thông tin thì thông báo “Thank you for confirming your email. Please”	Xác nhận email	AccountController.cs (178)

Bảng 5. Bảng mô tả các phương thức của lớp HomeController.cs

TT	Phương thức	Mục đích	Tên file, số thứ tự dòng chứa khai báo
1	Subscribe(Subscribe req) Input: email Output: thêm email người dùng vào bảng Pseudo code:	Đăng ký theo dõi shop	HomeController.cs (25)
2	Refresh()	Cập nhật thống kê lượt truy cập	HomeController.cs (41)
3	Contact()	Quên mật khẩu	HomeController.cs (56)

Bảng 6. Bảng mô tả các phương thức của lớp MenuController.cs

TT	Phương thức	Mục đích	Tên file, số thứ tự dòng chứa khai báo
1	MenuTop()	Sắp xếp danh mục theo position	MenuController.cs (19)
2	MenuProductCategory()	Danh sách các loại sản phẩm	MenuController.cs (25)
3	MenuArrivals()	Danh sách các sản phẩm mới	MenuController.cs (40)

4	MenuLeft()	Danh sách các loại sản phẩm ở trang sản phẩm	MenuController.cs (30)
---	-------------------	--	---------------------------

Bảng 7. Bảng mô tả các phương thức của lớp ProductsController.cs

TT	Phương thức	Mục đích	Tên file, số thứ tự dòng chứa khai báo
1	Detail(string alias,int id) Input: alias, id Output: chi tiết sản phẩm	Hiển thị chi tiết sản phẩm	ProductsController.cs (21)
2	ProductCategory(string alias,int id) Input: alias, id Output: Danh mục loại sản phẩm	Hiển thị danh mục loại sản phẩm	ProductsController.cs (34)
3	Partial_ItemsByCateId()	Hiển thị sản phẩm theo loại sản phẩm	ProductsController.cs (51)
4	Partial_ProductSales()	Hiển thị trạng thái sale	ProductsController.cs (57)

Bảng 8. Bảng mô tả các phương thức của lớp ShoppingCartController.cs

TT	Phương thức	Mục đích	Tên file, số thứ tự dòng chứa khai báo
1	CheckOut()	Thanh toán đơn hàng	ShoppingCartController.cs (25)
2	Partial_Item_ThanhToan()	Sản phẩm được chọn trong giỏ hàng	ShoppingCartController.cs (38)
3	Partial_Item_Cart()	Hiển thị thông tin sản phẩm có trong giỏ hàng	ShoppingCartController.cs (48)
4	ShowCount()	Số lượng sản phẩm	ShoppingCartController.cs

			(59)
5	Partial_CheckOut()	Nhập thông tin khách hàng khi thanh toán	ShoppingCartController.cs (69)
6	CheckOut(OrderViewModel req)	Kiểm tra thông tin đơn hàng	ShoppingCartController.cs (76)
7	AddToCart(int id, int quantity) Input: id, quantity Output: thêm sản phẩm	Thêm sản phẩm vào giỏ hàng	ShoppingCartController.cs (150)
8	Update(int id, int quantity) Input: id, quantity Output: cập nhật thông tin giỏ hàng	Cập nhật lại giỏ hàng	ShoppingCartController.cs (188)
9	Delete(int id) Input: id Output: xóa sản phẩm	Xóa sản phẩm khỏi giỏ hàng	ShoppingCartController.cs (199)
10	DeleteAll()	Xóa tất cả sản phẩm khỏi giỏ hàng	ShoppingCartController.cs (219)

Các lớp dùng cho giao diện Admin

Sinh viên phụ trách: Phạm Nguyễn Phú Quý

Bảng 9. Bảng mô tả các phương thức của lớp AccountController.cs

TT	Phương thức	Mục đích	Tên file, số thứ tự dòng chứa khai báo
1	Login(LoginViewModel model, string returnUrl) Input: UserName, Password Output: Đăng nhập hoặc thông báo khi tài khoản bị khóa Pseudo code: Nếu đăng nhập thành công thì trở về trang chủ. Nếu tài khoản khóa thì chuyển sang Lockout View. Nếu đăng nhập lỗi hiện thông báo.	Kiểm soát đăng nhập	AccountController.cs (74)

2	Create(CreateAccountViewModel model) Input: Email, FullName, UserName, Phone Output: Tạo tài khoản	Tạo tài khoản	AccountController.cs (122)
---	---	---------------	-------------------------------

Bảng 10. Bảng mô tả các phương thức của lớp AdvController.cs

TT	Phương thức	Mục đích	Tên file, số thứ tự dòng chứa khai báo
1	Add(Adv model) Input: thông tin về quảng cáo Output: tạo quảng cáo Pseudo code: Nhập thông tin quảng cáo sau đó thông tin sẽ được lưu vào cơ sở dữ liệu	Thêm quảng cáo	AdvController.cs (28)
2	Edit(Adv model) Pseudo code: Sửa đổi thông tin quảng cáo, thông tin ở cơ sở dữ liệu sẽ được cập nhật	Sửa quảng cáo	AdvController.cs (49)
3	Delete(int id) Input: id Output: xóa quảng cáo Pseudo code: Xóa khỏi cơ sở dữ liệu	Xóa quảng cáo	AdvController.cs (63)
4	DeleteAll(string ids)	Xóa tất cả quảng cáo	AdvController.cs (78)

Bảng 11. Bảng mô tả các phương thức của lớp CategoryController.cs

TT	Phương thức	Mục đích	Tên file, số thứ tự dòng chứa khai báo
1	Add(Category model) Input: thông tin về danh mục Output: tạo danh mục Pseudo code: Nhập thông tin danh mục sau đó dữ liệu sẽ được lưu vào cơ sở dữ liệu	Thêm danh mục	CategoryController.cs (29)
2	Edit(Category model) Pseudo code: Sửa đổi thông tin danh mục, dữ liệu sẽ được cập nhật vào cơ sở dữ liệu	Sửa danh mục	CategoryController.cs (50)

3	Delete(int id) Input: id Output: xóa danh mục Pseudo code: Xóa danh mục khỏi cơ sở dữ liệu	Xóa danh mục	CategoryController.cs (73)
---	---	--------------	-------------------------------

Bảng 12. Bảng mô tả các phương thức của lớp NewsController.cs

TT	Phương thức	Mục đích	Tên file, số thứ tự dòng chứa khai báo
1	Add(News model) Input: thông tin về tin tức Output: tạo tin tức Pseudo code: Nhập thông tin tin tức sau đó dữ liệu sẽ được lưu vào cơ sở dữ liệu	Thêm tin tức	NewsController.cs (43)
2	Edit(News model) Pseudo code: Sửa đổi thông tin tin tức, dữ liệu sẽ được cập nhật vào cơ sở dữ liệu	Sửa tin tức	NewsController.cs (69)
3	Delete(int id) Input: id Output: xóa danh mục Pseudo code: Xóa tin tức khỏi cơ sở dữ liệu	Xóa tin tức	NewsController.cs (82)
4	DeleteAll(string ids)	Xóa tất cả tin tức	NewsController.cs (111)
5	IsActive(int id) Input: id Output: bật/tắt Pseudo code: Tìm tin tức theo id, sau đó phủ định trạng thái hiện tại.	Bật tắt trạng thái của tin tức	NewsController.cs (96)

Bảng 13. Bảng mô tả các phương thức của lớp OrderController.cs

TT	Phương thức	Mục đích	Tên file, số thứ tự dòng chứa khai báo
----	-------------	----------	--

1	Partial_SanPham(int id) Input: Id Output: danh sách các sản phẩm có trong đơn hàng Pseudo code: Tìm đơn hàng theo id sau đó lấy danh sách sản phẩm trong đơn hàng	Hiển thị danh sách sản phẩm của đơn hàng	OrderController.cs (33)
2	UpdateTT(int id, int trangthai) Input: Id Output: trạng thái đơn hàng “Chưa thanh toán/Đã thanh toán” Pseudo code: Dựa vào id tìm đơn hàng để cập nhật trạng thái.	Cập nhật trạng thái đơn hàng	OrderController.cs (46)

Bảng 14. Bảng mô tả các phương thức của lớp PostsController.cs

TT	Phương thức	Mục đích	Tên file, số thứ tự dòng chứa khai báo
1	Add(Posts model) Input: thông tin về bài viết Output: tạo bài viết Pseudo code: Nhập thông tin bài viết sau đó dữ liệu sẽ được lưu vào cơ sở dữ liệu	Thêm bài viết	PostsController.cs (28)
2	Edit(Posts model) Pseudo code: Sửa đổi thông tin bài viết, dữ liệu sẽ được cập nhật vào cơ sở dữ liệu	Sửa bài viết	PostsController.cs (51)
3	Delete(int id) Input: id Output: xóa bài viết Pseudo code: Xóa bài viết khỏi cơ sở dữ liệu	Xóa bài viết	PostsController.cs (66)
4	DeleteAll(string ids)	Xóa tất cả bài viết	PostsController.cs (95)
5	IsActive(int id) Input: id Output: bật/tắt Pseudo code:	Bật tắt trạng thái của bài viết	PostsController.cs (80)

	<p> Tìm bài viết theo id, sau đó phủ định trạng thái hiện tại. </p>		
--	---	--	--

Bảng 15. Bảng mô tả các phương thức của lớp ProductCategoryController.cs

TT	Phương thức	Mục đích	Tên file, số thứ tự dòng chứa khai báo
1	Add(ProductCategory model) Input: dữ liệu về loại sản phẩm Output: tạo loại sản phẩm Pseudo code: Nhập thông tin loại sản phẩm sau đó dữ liệu sẽ được lưu vào cơ sở dữ liệu	Thêm loại sản phẩm	ProductCategoryController.cs (28)
2	Edit(ProductCategory model) Pseudo code: Sửa thông tin loại sản phẩm dữ liệu sẽ được cập nhật ở cơ sở dữ liệu	Cập nhật loại sản phẩm	ProductCategoryController.cs (49)

Bảng 16. Bảng mô tả các phương thức của lớp ProductImageController.cs

TT	Phương thức	Mục đích	Tên file, số thứ tự dòng chứa khai báo
1	AddImage(int productId,string url)	Thêm hình ảnh	ProductImageController.cs (26)
2	Delete(int id) Pseudo code: Xóa bài hình ảnh cơ sở dữ liệu	Xóa hình ảnh	ProductImageController.cs (34)

Bảng 17. Bảng mô tả các phương thức của lớp ProductsController.cs

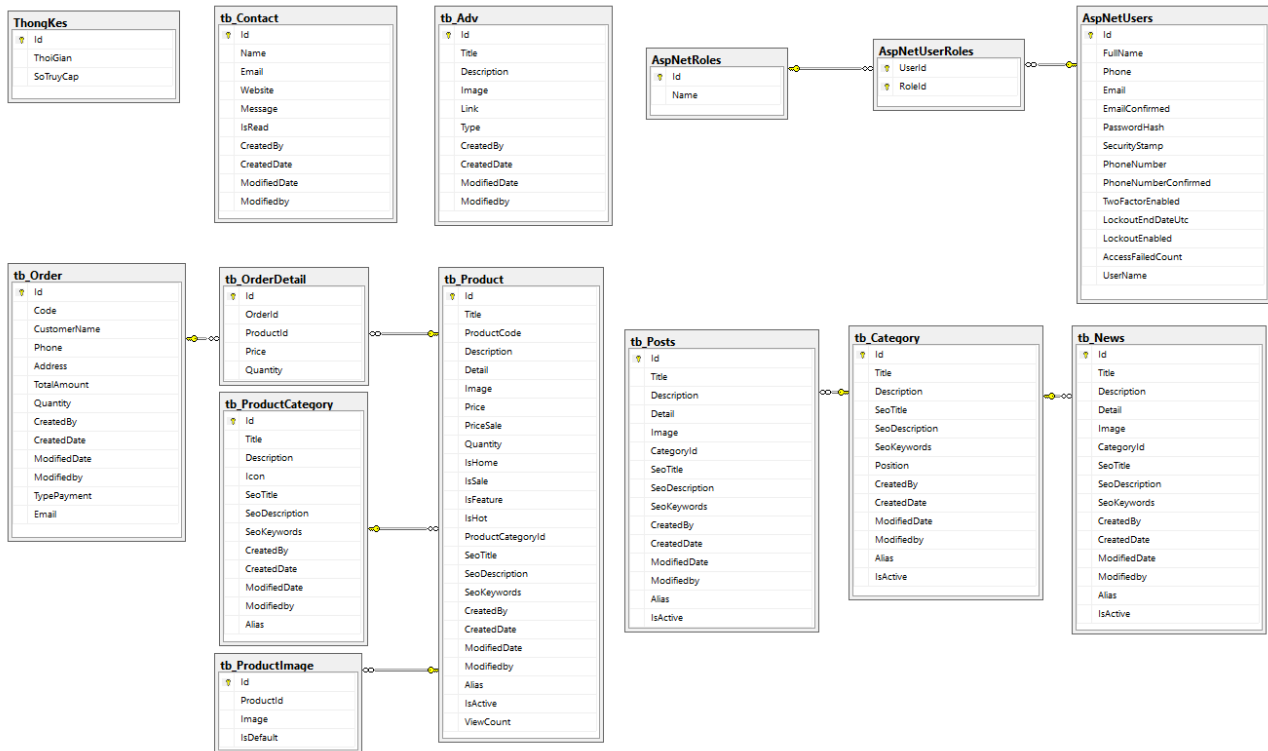
TT	Phương thức	Mục đích	Tên file, số thứ tự dòng chứa khai báo
1	Add(Product model, List<string> Images, List<int> rDefault) Input: thông tin về sản phẩm Output: tạo sản phẩm Pseudo code: Nhập thông tin sản phẩm sau đó dữ liệu sẽ được lưu vào cơ sở dữ liệu	Thêm sản phẩm	ProductsController.cs (40)

2	Edit(Product model) Pseudo code: Sửa đổi thông tin bài viết, dữ liệu sẽ được cập nhật vào cơ sở dữ liệu	Sửa sản phẩm	ProductsController.cs (97)
3	Delete(int id) Input: id Output: xóa danh mục Pseudo code: Xóa bài viết khỏi cơ sở dữ liệu	Xóa sản phẩm	ProductsController.cs (112)
4	IsActive(int id) Input: id Output: bật/tắt Pseudo code: Tìm bài viết theo id, sau đó phủ định trạng thái hiện tại.	Bật tắt trạng thái của sản phẩm	ProductsController.cs (126)
5	IsHome(int id) Input: id Output: bật/tắt Pseudo code: Tìm bài viết theo id, sau đó phủ định trạng thái hiện tại.	Bật tắt hiển thị sản phẩm	ProductsController.cs (140)
6	IsSale(int id) Input: id Output: bật/tắt Pseudo code: Tìm bài viết theo id, sau đó phủ định trạng thái hiện tại.	Bật tắt khuyến mãi sản phẩm	ProductsController.cs (155)

Bảng 18. Bảng mô tả các phương thức của lớp RoleController.cs

TT	Phương thức	Mục đích	Tên file, số thứ tự dòng chứa khai báo
1	Create(IdentityRole model)	Tạo quyền truy cập	RoleController.cs (31)
2	Edit(IdentityRole model)	Sửa thông tin quyền truy cập	RoleController.cs (49)

3. Thiết kế cơ sở dữ liệu



Hình 2. Diagram mô tả quan hệ giữa các bảng

Bảng 19. Bảng mô tả các Table trong cơ sở dữ liệu.

TT	Tên bảng	Mục đích
1	AspNetRoles	Lưu trữ các loại quyền truy cập hệ thống
2	AspNetUserRoles	Lưu trữ quyền truy cập của tài khoản
3	AspNetUsers	Lưu trữ thông tin các tài khoản người dùng
4	tb_Adv	Lưu trữ thông tin quảng cáo
5	tb_Category	Lưu trữ thông tin danh mục
6	tb_Contact	Lưu trữ thông tin tương tác
7	tb_News	Lưu trữ thông tin tin tức
8	tb_Order	Lưu trữ thông tin đơn hàng
9	tb_OrderDetail	Chi tiết đơn hàng
10	tb_Posts	Lưu trữ thông tin bài viết
11	tb_Product	Lưu trữ thông tin sản phẩm

12	tb_ProductCategory	Lưu trữ thông tin loại sản phẩm
13	tb_ProductImage	Lưu trữ thông tin hình ảnh sản phẩm
14	ThongKes	Thống kê truy cập
15	tb_Subscribe	Lưu email theo dõi shop

1. Bảng mô tả các Fields trong 1 Table

Bảng 20. Bảng mô tả các các Fields trong AspNetRoles.

TT	Tên trường	Kiểu dữ liệu	Mục đích
1	Id	nvarchar	Làm khóa chính phân biệt các bộ với nhau
2	Name	nvarchar	Tên quyền truy cập

Bảng 21. Bảng mô tả các các Fields trong AspNetUserRoles.

TT	Tên trường	Kiểu dữ liệu	Mục đích
1	UserId	nvarchar	Id của tài khoản
2	RoleId	nvarchar	Id loại quyền truy cập

Bảng 22. Bảng mô tả các các Fields trong AspNetUsers.

TT	Tên trường	Kiểu dữ liệu	Mục đích
1	Id	nvarchar	Làm khóa chính phân biệt các bộ với nhau
2	FullName	nvarchar	Họ tên đầy đủ của người dùng
3	Phone	nvarchar	Số điện thoại người dùng
4	Email	nvarchar	Email người dùng
5	EmailConfirmed	bit	Trạng thái xác nhận email

6	PasswordHash	nvarchar	Mã băm của mật khẩu tài khoản người dùng
7	LockoutEnabled	bit	Trạng thái của khóa tài khoản
8	AccessFailedCount	int	Số lần đăng nhập thất bại
9	UserName	nvarchar	Tên người dùng

Bảng 23. Bảng mô tả các các Fields trong tb_Adv.

TT	Tên trường	Kiểu dữ liệu	Mục đích
1	Id	int	Làm khóa chính phân biệt các bộ với nhau
2	Title	nvarchar	Tiêu đề
3	Description	nvarchar	Mô tả
4	Image	nvarchar	Tên của hình ảnh tương ứng
5	Link	nvarchar	Liên kết
6	Type	int	Loại quảng cáo
7	CreatedBy	nvarchar	Người tạo
8	CreatedDate	datetime	Ngày tạo
9	ModifiedDate	datetime	Ngày sửa
10	Modifiedby	nvarchar	Người sửa

Bảng 24. Bảng mô tả các các Fields trong tb_Category.

TT	Tên trường	Kiểu dữ liệu	Mục đích
1	Id	int	Làm khóa chính phân biệt các bộ với nhau

2	Title	nvarchar	Tiêu đề
3	Description	nvarchar	Mô tả
4	SeoTitle	nvarchar	Từ khóa tìm kiếm của tiêu đề
5	SeoDescription	nvarchar	Từ khóa tìm kiếm của mô tả
6	SeoKeywords	nvarchar	Khóa tìm kiếm
7	Position	int	Vị trí hiển thị của danh mục
8	CreatedBy	nvarchar	Người tạo
9	CreatedDate	datetime	Ngày tạo
10	ModifiedDate	datetime	Ngày sửa
11	Modifiedby	nvarchar	Người sửa
12	Alias	nvarchar	Bí danh của danh mục
13	IsActive	bit	Trạng thái hoạt động của danh mục

Bảng 25. Bảng mô tả các các Fields trong tb_Contact.

TT	Tên trường	Kiểu dữ liệu	Mục đích
1	Id	int	Làm khóa chính phân biệt các bộ với nhau
2	Name	nvarchar	Tên của khách hàng
3	Email	nvarchar	Email người dùng
4	Website	nvarchar	Tên website
5	Message	nvarchar	Nội dung tin nhắn
6	IsRead	bit	Trạng thái đọc tin nhắn

7	CreatedBy	nvarchar	Người tạo
8	CreatedDate	datetime	Ngày tạo
9	ModifiedDate	datetime	Ngày sửa
10	Modifiedby	nvarchar	Người sửa

Bảng 26. Bảng mô tả các các Fields trong tb_News.

TT	Tên trường	Kiểu dữ liệu	Mục đích
1	Id	int	Làm khóa chính phân biệt các bộ với nhau
2	Title	nvarchar	Tiêu đề
3	Description	nvarchar	Mô tả
4	Detail	nvarchar	Chi tiết
5	Image	nvarchar	Tên của hình ảnh
6	CategoryId	int	Mã danh mục
7	SeoTitle	nvarchar	Từ khóa tìm kiếm của tiêu đề
8	SeoDescription	nvarchar	Từ khóa tìm kiếm của mô tả
9	SeoKeywords	nvarchar	Khóa tìm kiếm
10	CreatedBy	nvarchar	Người tạo
11	CreatedDate	datetime	Ngày tạo
12	ModifiedDate	datetime	Ngày sửa
13	Modifiedby	nvarchar	Người sửa
14	Alias	nvarchar	Bí danh của tin tức

15	IsActive	bit	Trạng thái hoạt động của danh mục
----	----------	-----	-----------------------------------

Bảng 27. Bảng mô tả các các Fields trong tb_Order.

TT	Tên trường	Kiểu dữ liệu	Mục đích
1	Id	int	Làm khóa chính phân biệt các bộ với nhau
2	Code	nvarchar	Mã code của sản phẩm trong đơn hàng
3	CustomerName	nvarchar	Tên khách hàng
4	Phone	nvarchar	Số điện thoại người dùng
5	Address	nvarchar	Địa chỉ khách hàng
6	TotalAmount	decimal	Tổng thành tiền
7	CreatedBy	nvarchar	Người tạo
8	CreatedDate	datetime	Ngày tạo
9	ModifiedDate	datetime	Ngày sửa
10	Modifiedby	nvarchar	Người sửa
11	Quantity	int	Số lượng
12	Email	nvarchar	Email người dùng

Bảng 28. Bảng mô tả các các Fields trong tb_OrderDetail.

TT	Tên trường	Kiểu dữ liệu	Mục đích
1	Id	int	Làm khóa chính phân biệt các bộ với nhau

2	OrderId	int	Id đơn hàng
3	ProductId	int	Id sản phẩm
4	Price	decimal	Giá
5	Quantity	int	Số lượng

Bảng 29. Bảng mô tả các các Fields trong tb_Posts.

TT	Tên trường	Kiểu dữ liệu	Mục đích
1	Id	int	Làm khóa chính phân biệt các bộ với nhau
2	Title	nvarchar	Tiêu đề
3	Description	nvarchar	Mô tả
4	Detail	nvarchar	Chi tiết
5	Image	nvarchar	Tên của hình ảnh
6	CategoryId	int	Mã danh mục
7	SeoTitle	nvarchar	Từ khóa tìm kiếm của tiêu đề
8	SeoDescription	nvarchar	Từ khóa tìm kiếm của mô tả
9	SeoKeywords	nvarchar	Khóa tìm kiếm
10	CreatedBy	nvarchar	Người tạo
11	CreatedDate	datetime	Ngày tạo
12	ModifiedDate	datetime	Ngày sửa
13	Modifiedby	nvarchar	Người sửa
14	Alias	nvarchar	Bí danh của bài viết

15	IsActive	bit	Trạng thái hoạt động của danh mục
----	----------	-----	-----------------------------------

Bảng 30. Bảng mô tả các các Fields trong tb_Product.

TT	Tên trường	Kiểu dữ liệu	Mục đích
1	Id	int	Làm khóa chính phân biệt các bộ với nhau
2	Title	nvarchar	Tiêu đề
3	ProductCode	nvarchar	Mã code của sản phẩm
4	Description	nvarchar	Mô tả
5	Detail	nvarchar	Chi tiết
6	Image	nvarchar	Tên của hình ảnh
7	Price	decimal	Giá
8	PriceSafe	decimal	Giá khuyến mãi
9	Quantity	int	Số lượng
10	IsHome	bit	Trạng thái hiển thị ở trang chủ
11	IsSale	bit	Trạng thái khuyến mãi
12	IsFeature	bit	Trạng thái nổi bật
13	IsHot	bit	Trạng thái hot
14	SeoTitle	nvarchar	Từ khóa tìm kiếm của tiêu đề
15	SeoDescription	nvarchar	Từ khóa tìm kiếm của mô tả

16	SeoKeywords	nvarchar	Khóa tìm kiếm
17	CreatedBy	nvarchar	Người tạo
18	CreatedDate	datetime	Ngày tạo
19	ModifiedDate	datetime	Ngày sửa
20	Modifiedby	nvarchar	Người sửa
21	Alias	nvarchar	Bí danh của sản phẩm
22	IsActive	bit	Trạng thái hoạt động của danh mục

Bảng 31. Bảng mô tả các các Fields trong tb_ProductCategory.

TT	Tên trường	Kiểu dữ liệu	Mục đích
1	Id	int	Làm khóa chính phân biệt các bộ với nhau
2	Title	nvarchar	Tiêu đề
3	Description	nvarchar	Mô tả
4	Icon	nvarchar	Tên hình ảnh của loại sản phẩm
5	SeoTitle	nvarchar	Từ khóa tìm kiếm của tiêu đề
6	SeoDescription	nvarchar	Từ khóa tìm kiếm của mô tả
7	SeoKeywords	nvarchar	Khóa tìm kiếm
8	CreatedBy	nvarchar	Người tạo
9	CreatedDate	datetime	Ngày tạo
10	ModifiedDate	datetime	Ngày sửa
11	Modifiedby	nvarchar	Người sửa

12	Alias	nvarchar	Bí danh loại sản phẩm
----	-------	----------	-----------------------

Bảng 32. Bảng mô tả các các Fields trong tb_ProductImage.

TT	Tên trường	Kiểu dữ liệu	Mục đích
1	Id	int	Làm khóa chính phân biệt các bộ với nhau
2	ProductId	int	Id sản phẩm
3	Image	nvarchar	Tên hình ảnh
4	IsDefault	bit	Trạng thái hiển thị hình ảnh

Bảng 33. Bảng mô tả các các Fields trong ThongKes.

TT	Tên trường	Kiểu dữ liệu	Mục đích
1	Id	int	Làm khóa chính phân biệt các bộ với nhau
2	ThoiGian	datetime	Thời gian truy cập
3	SoTruyCap	bigint	Số lượng truy cập

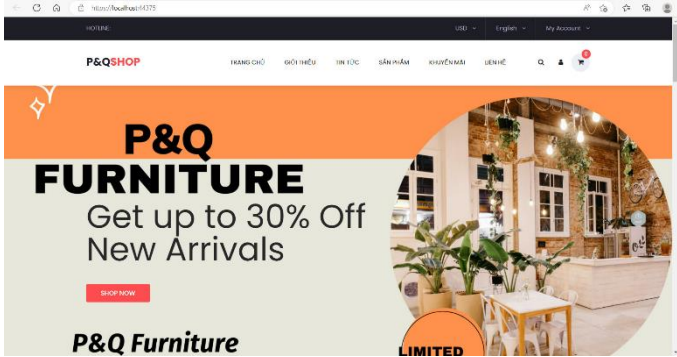
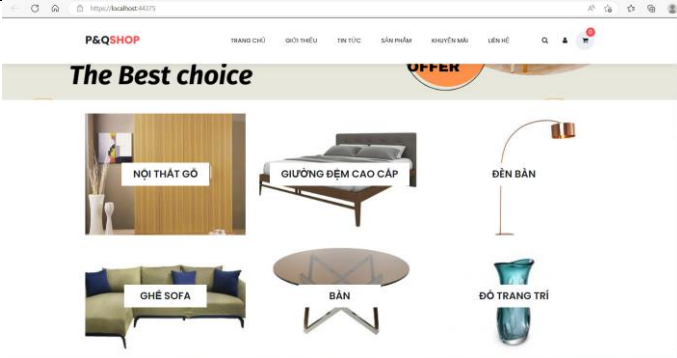
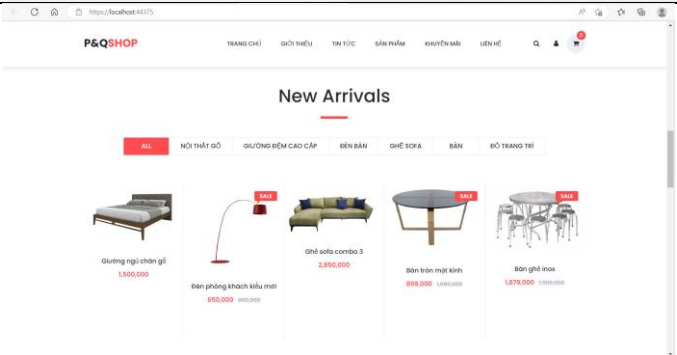
Bảng 34. Bảng mô tả các các Fields trong tb_Subscribe.

TT	Tên trường	Kiểu dữ liệu	Mục đích
1	Id	int	Làm khóa chính phân biệt các bộ với nhau
2	Email	nvarchar	Email khách hàng

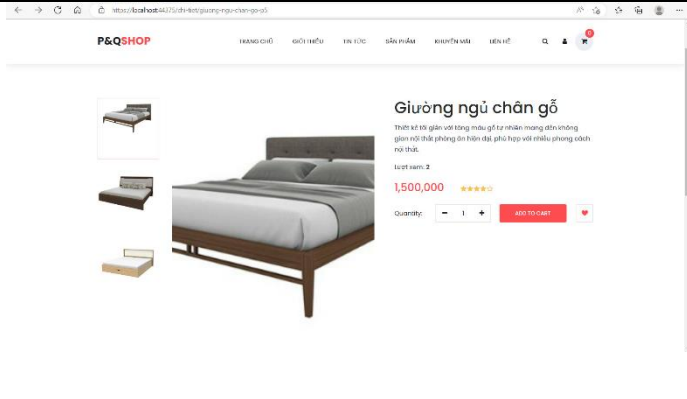
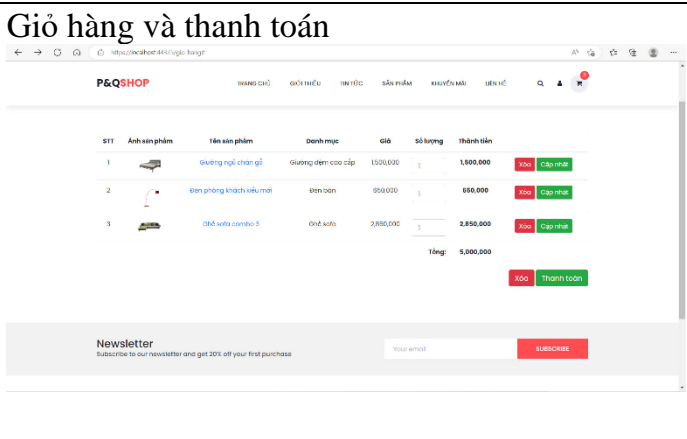
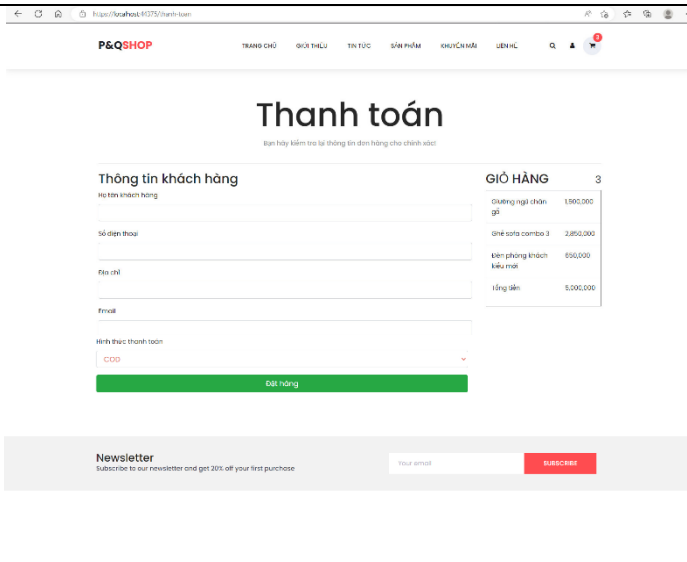
3	CreatedDate	datetime	Ngày đăng ký theo dõi
---	-------------	----------	-----------------------

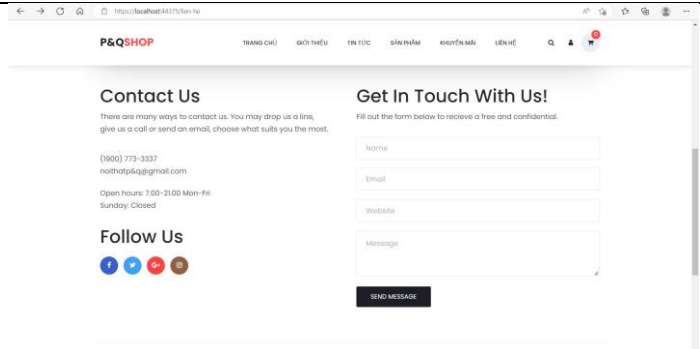
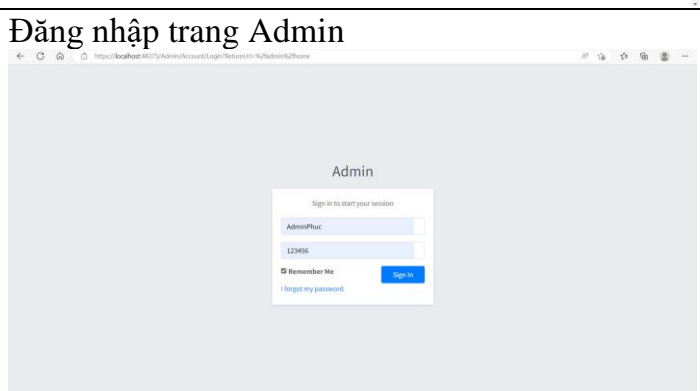
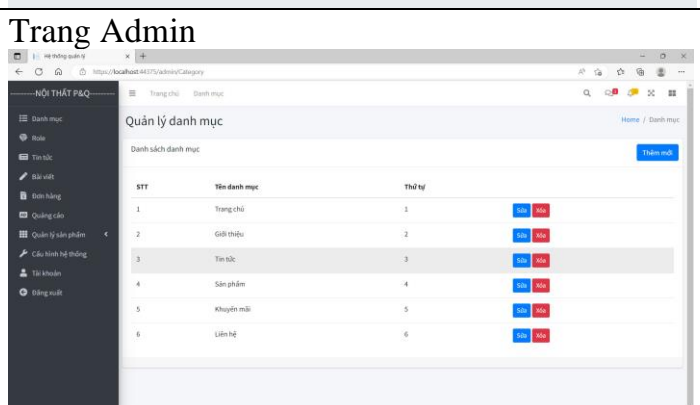
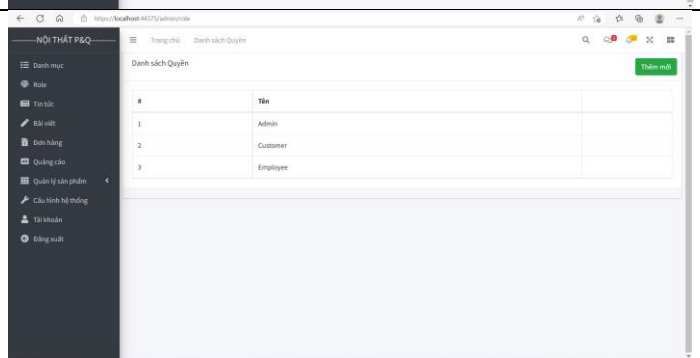
4. Thiết kế giao diện

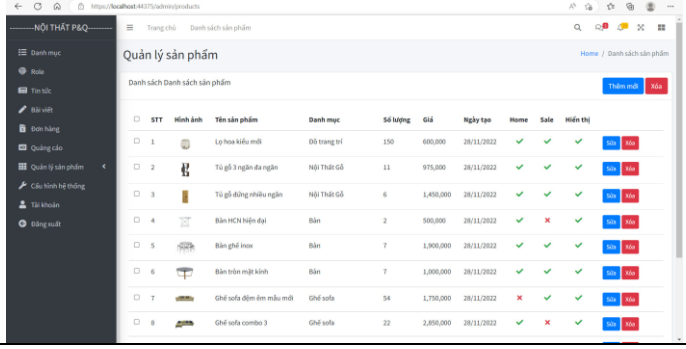
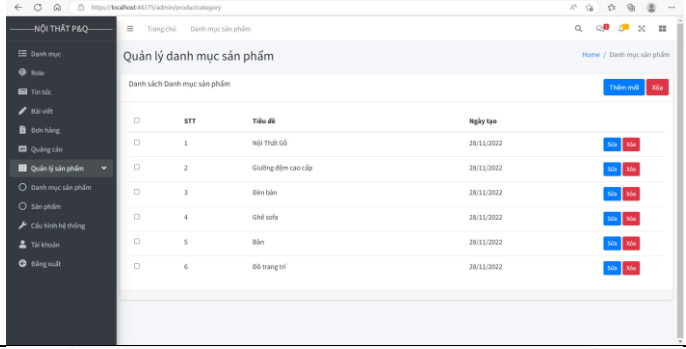
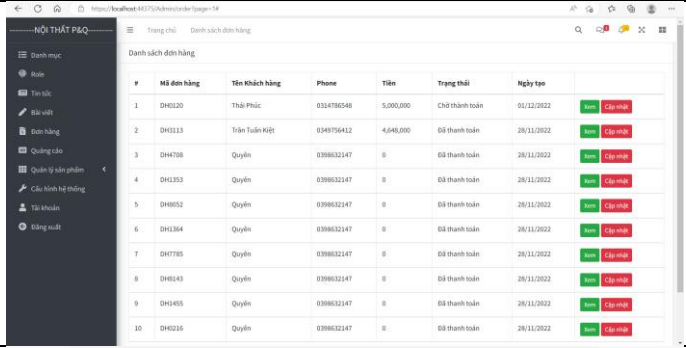
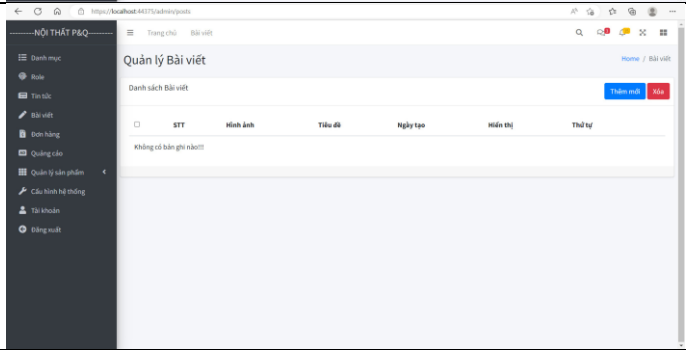
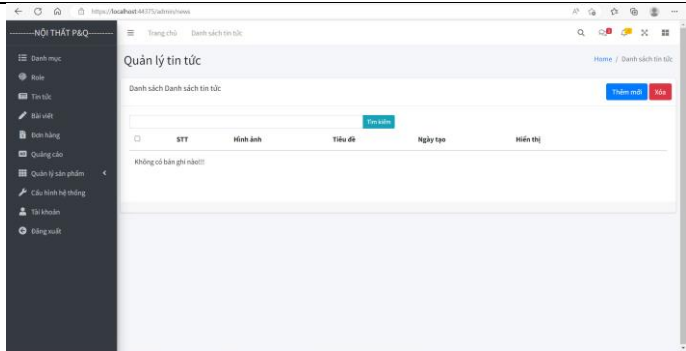
Bảng 35. Thiết kế giao diện

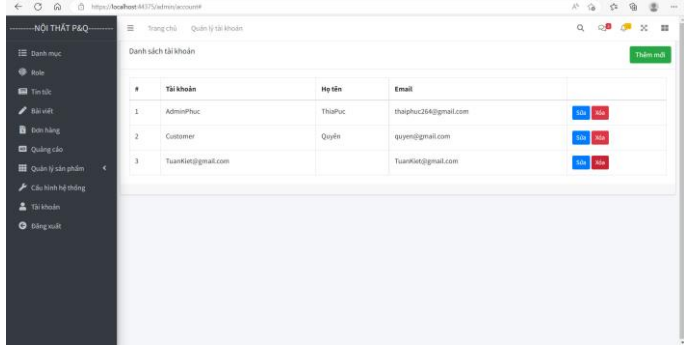
TT	Màn hình/Cửa sổ/Dialog	Mục đích	Giải thích
1	<p>Nội thất P&Q (giao diện chính)</p>   	<p>Hiển thị giao diện chính cho khách hàng sử dụng</p>	<p>Thái Hoàng Phúc</p> <p>Giao diện chính được xây dựng với các banner và các danh mục sản phẩm cùng với một số thông tin khuyến mãi và liên hệ giúp người dùng dễ dàng nắm bắt.</p>

			
2	<p>Trang sản phẩm</p> 	<p>Cung cấp thông tin về các sản phẩm cho người dùng.</p>	<p>Thái Hoàng Phúc</p> <p>Cung cấp tên giá và hình ảnh về sản phẩm. Cùng với bộ lọc sản phẩm theo loại giúp dễ dàng tìm kiếm sản phẩm.</p>
3	<p>Trang chi tiết sản phẩm</p>	<p>Hiển thị thông tin chi tiết sản phẩm</p>	<p>Thái Hoàng Phúc</p>

			Giúp khách hàng hiểu rõ hơn về sản phẩm
			Thái Hoàng Phúc
4		Hiển thị thông tin giỏ hàng và thông tin thanh toán	Giúp khách hàng xem lại thông tin giỏ hàng và thanh toán
4	Liên hệ	Hiển thị thông tin và cách thức liên hệ	Thái Hoàng Phúc Giúp khách hàng liên hệ với shop

																								
5	<h3>Đăng nhập trang Admin</h3> 	Dùng để đăng nhập vào trang Admin	Phạm Nguyễn Phú Quý Kiểm soát việc truy cập trang Admin																					
6	<h3>Trang Admin</h3>  <table><tr><th>STT</th><th>Tên danh mục</th><th>Thứ tự</th></tr><tr><td>1</td><td>Trang chủ</td><td>1</td></tr><tr><td>2</td><td>Giới thiệu</td><td>2</td></tr><tr><td>3</td><td>Tin tức</td><td>3</td></tr><tr><td>4</td><td>Sản phẩm</td><td>4</td></tr><tr><td>5</td><td>Khuyến mãi</td><td>5</td></tr><tr><td>6</td><td>Liên hệ</td><td>6</td></tr></table>	STT	Tên danh mục	Thứ tự	1	Trang chủ	1	2	Giới thiệu	2	3	Tin tức	3	4	Sản phẩm	4	5	Khuyến mãi	5	6	Liên hệ	6	Trang Admin dùng để quản lý cập nhật thông tin: Danh mục, Quyền truy cập, Tin tức, Bài viết, Đơn hàng, Quảng cáo, Quản lý sản phẩm, Tài khoản.	Phạm Nguyễn Phú Quý Giao diện chính để cập nhật các thông tin về sản phẩm, đơn hàng cùng với một số thông tin khác.
STT	Tên danh mục	Thứ tự																						
1	Trang chủ	1																						
2	Giới thiệu	2																						
3	Tin tức	3																						
4	Sản phẩm	4																						
5	Khuyến mãi	5																						
6	Liên hệ	6																						
	 <table><tr><th>#</th><th>Tên</th><th></th></tr><tr><td>1</td><td>Admin</td><td></td></tr><tr><td>2</td><td>Customer</td><td></td></tr><tr><td>3</td><td>Employee</td><td></td></tr></table>	#	Tên		1	Admin		2	Customer		3	Employee												
#	Tên																							
1	Admin																							
2	Customer																							
3	Employee																							



			
--	---	--	--

IV. Cài đặt và kiểm thử

Bảng 36. Cài đặt kiểm thử

TT	Tình huống	Mục đích	Giải thích
1	<p>Tình huống 1: Giao diện chính</p> <p>Dữ liệu vào:</p> <p>Đăng nhập vào trang chủ của shop, chọn sản phẩm thêm vào giỏ hàng, nhập thông tin và đặt hàng</p> <p>Kết quả dự kiến: đăng nhập được và trang chủ, đặt hàng thành công đơn đặt hàng được cập nhật.</p>	<p>Kiểm thử trang chủ có thể tương tác với khách hàng. Có thể xem sản phẩm, chọn thêm vào giỏ hàng và đặt hàng.</p>	<p>Giao diện chính nhằm để người dùng sử dụng để xem các thông tin về sản phẩm cũng như các thông tin khuyến mãi và hàng mới nhập.</p>
2	<p>Tình huống 2: giao diện Admin</p> <p>Dữ liệu vào:</p> <p>Đăng nhập vào trang admin, cập nhật chỉnh sửa các thông tin về tin tức, quảng cáo, danh</p>	<p>Kiểm thử các chức năng cập nhật chỉnh sửa dữ liệu. Cùng xem thông tin đơn hàng và các tài khoản đã được tạo.</p>	<p>Giao diện admin được xây dựng nhằm quản lý các thông tin của cửa hàng về sản phẩm bày bán và các tin tức khuyến mãi, quảng cáo. Quản lý các đơn hàng và cấp quyền truy cập cho tài khoản. Thêm vào đó cập nhật dữ liệu hiển thị ở giao diện chính</p>

	<p>mục, sản phẩm, loại sản phẩm và đơn hàng.</p> <p>Kết quả dự kiến: các thông tin được cập nhật, chỉnh sửa và một số thông tin được hiển thị ở trang chủ.</p>		
--	--	--	--

V. Kết luận

So với dự kiến lúc đầu nhóm đạt được 80%, cơ bản đã xây dựng được hệ thống website bán nội thất. Trong quá trình thực hiện đề tài nhóm cũng gặp một số khó khăn khi xây dựng hệ thống web như về tìm hiểu kết cấu trang web, xử lý các thao tác trên trang, xử lý giỏ hàng và tìm thêm các thư viện hỗ trợ cũng với cách bố trí giao diện, xử lý hình ảnh. Khi đó nhóm họp với nhau tìm các giải pháp để giải quyết các vấn đề. Giải pháp được đưa ra là tìm các hướng dẫn trên internet, cùng tìm hiểu, thảo luận từ đó xử lý vấn đề gặp phải.

Nhóm đã xây dựng cơ bản được hệ thống website bán hàng nội thất. Trong đó có các tính năng tạo tài khoản người dùng, bố trí bố cục ổn không gây rối mắt hoặc khó chịu cho người xem, lướt xem sản phẩm và xử lý giỏ hàng tương đối tốt cùng với . Tuy nhiên đồ án vẫn còn chưa hoàn thiện. Nhóm định hướng sẽ phát triển hơn nữa hệ thống web về phần giao diện, thông tin vận chuyển đơn hàng, banner, slider cùng với một số tính năng mới như trò chuyện cùng khách hàng, tìm kiếm, hoàn thiện bộ lọc sản phẩm theo giá tiền.